

Số: 41 /2015/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 16 tháng 11 năm 2015

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

### UY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương;

Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 2461/TTr-SCT ngày 31/8/2015,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 17/2012/QĐ-UBND ngày 08/3/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về ban hành Quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Công Thương, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá - Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Công Thương;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KT, CNN.

**TM. UY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Vĩnh**

## QUY ĐỊNH

### Về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về trình tự, thủ tục tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là cơ sở công nghiệp nông thôn); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

### Điều 2. Mục đích bình chọn

Mục đích bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu nhằm phát hiện và tôn vinh các sản phẩm có chất lượng, có giá trị sử dụng cao, có tiềm năng phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, đáp ứng thị hiếu người tiêu dùng trong và ngoài nước để có kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất và xúc tiến thương mại, góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Một số cụm từ trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Cấp bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, gồm:

a) Cấp huyện là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa; do Ủy ban nhân dân huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

b) Cấp tỉnh là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi tỉnh Đồng Nai; do Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

c) Cấp khu vực là cấp bình chọn được thực hiện trong phạm vi từng khu vực, do Cục Công nghiệp địa phương - Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện;

2. Bộ sản phẩm là tập hợp các sản phẩm do cùng một cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Các sản phẩm có cùng mẫu mã và công dụng, được sản xuất từ nhiều loại nguyên liệu, vật liệu khác nhau;

b) Các sản phẩm có mẫu mã khác nhau, có công dụng giống nhau được sản xuất từ một loại nguyên liệu, vật liệu;

c) Các sản phẩm khác nhau nhưng có thể ghép lại với nhau để tăng tiện ích sử dụng.

#### **Điều 4. Sản phẩm tham gia bình chọn**

1. Sản phẩm tham gia bình chọn là một sản phẩm hoặc một bộ sản phẩm (sau đây gọi chung là sản phẩm).

2. Sản phẩm tham gia bình chọn là sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp do chính cơ sở công nghiệp nông thôn sản xuất và đăng ký tham gia bình chọn.

3. Sản phẩm tham gia bình chọn không phải là sản phẩm sao chép; việc sản xuất sản phẩm không vi phạm quy định về quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu công nghiệp và các quy định khác liên quan tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn lao động, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Sản phẩm tham gia bình chọn phải có khả năng sản xuất hàng loạt, không phải là sản phẩm độc bản, đáp ứng được nhu cầu thị trường.

#### **Điều 5. Phân nhóm các sản phẩm tham gia bình chọn**

Sản phẩm tham gia bình chọn được phân theo các nhóm như sau:

1. Nhóm sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

2. Nhóm sản phẩm chế biến nông, lâm, thủy sản và thực phẩm.

3. Nhóm sản phẩm về thiết bị, máy móc, dụng cụ và phụ tùng cơ khí.

4. Nhóm các sản phẩm khác.

#### **Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và tham gia bình chọn**

1. Việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thực hiện một cách công khai, minh bạch và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Được tổ chức bình chọn theo 02 (hai) cấp, gồm: cấp huyện và cấp tỉnh.

3. Một cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn có thể đăng ký tham gia bình chọn cho một hoặc nhiều sản phẩm. Một sản phẩm có thể đăng ký tham gia nhiều kỳ bình chọn.

4. Sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn được sản xuất và đưa ra tiêu thụ trên thị trường ít nhất 18 tháng.

5. Tập hợp các sản phẩm được gọi là bộ sản phẩm được tính chung: Doanh thu, số lượng sản phẩm, số lao động... của tất cả các sản phẩm hợp thành bộ sản phẩm.

6. Cơ sở công nghiệp nông thôn gửi sản phẩm tham gia bình chọn trên nguyên tắc tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin liên quan đến sản phẩm của mình.

#### **Điều 7. Tiêu chí bình chọn**

1. Việc bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được đánh giá thông qua các tiêu chí cơ bản sau:

- a) Tiêu chí về đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất;
- b) Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường;
- c) Tiêu chí về tính văn hoá và thẩm mỹ;
- d) Tiêu chí khác.

2. Chi tiết các tiêu chí bình chọn và phiếu chấm điểm sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu quy định tại Phụ lục số III, IV kèm theo Quy định này.

## **Chương II HỘI ĐỒNG BÌNH CHỌN VÀ BAN GIÁM KHẢO**

#### **Điều 8. Hội đồng bình chọn**

1. Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (sau đây gọi là Hội đồng bình chọn) các cấp được thành lập như sau:

- a) Hội đồng bình chọn cấp huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập;
- b) Hội đồng bình chọn cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

2. Thành viên của Hội đồng bình chọn hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Việc bổ sung hoặc thay thế các thành viên của Hội đồng bình chọn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

#### **Điều 9. Cơ cấu, thành phần của Hội đồng bình chọn các cấp**

1. Hội đồng bình chọn cấp huyện có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.
- c) Các Thành viên Hội đồng là đại diện một số đơn vị có liên quan sau:
  - Đại diện Phòng Nội vụ;
  - Đại diện Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
  - Đại diện Phòng Văn hóa và Thông tin;
  - Đại diện Phòng Tài nguyên và Môi trường;
  - Đại diện Phòng Y tế.

2. Hội đồng Bình chọn cấp tỉnh: Có 07 hoặc 09 thành viên do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, với thành phần như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo Sở Công Thương.
- c) Các Thành viên Hội đồng là đại diện một số đơn vị có liên quan sau:
  - Đại diện Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh - Sở Nội vụ;
  - Đại diện Sở Y tế;
  - Đại diện Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch;
  - Đại diện Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
  - Đại diện Sở Khoa học và Công nghệ;
  - Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường;
  - Đại diện Trung tâm Khuyến công.

#### **Điều 10. Nhiệm vụ của Hội đồng bình chọn**

1. Hội đồng bình chọn có nhiệm vụ hướng dẫn các cơ sở công nghiệp nông thôn lập hồ sơ đăng ký bình chọn; thành lập Ban Giám khảo và Tổ chuyên môn giúp việc; tổ chức bình chọn; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu (sau đây gọi là Giấy chứng nhận).

2. Hội đồng bình chọn các cấp có trách nhiệm lựa chọn các sản phẩm được công nhận của cấp tương ứng trình Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt đề đăng ký tham gia bình chọn ở cấp cao hơn theo đúng quy định.

3. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm giải quyết các vướng mắc; xử lý kiến nghị và khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn do Hội đồng cấp đó thực hiện.

#### **Điều 11. Ban Giám khảo**

1. Ban Giám khảo do Chủ tịch Hội đồng bình chọn các cấp thành lập để giúp Hội đồng bình chọn đánh giá và bình chọn các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu. Ban Giám khảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng bình chọn về kết quả bình chọn.

2. Ban Giám khảo gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các thành viên. Số lượng thành viên của Ban Giám khảo là số lẻ. Thành viên của Ban Giám khảo là các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ quản lý, người có chuyên môn, kinh nghiệm thuộc lĩnh vực, ngành nghề liên quan đến các nhóm sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn. Thành viên của Ban Giám khảo có thể là thành viên của Hội đồng bình chọn.

3. Ban Giám khảo có nhiệm vụ nghiên cứu hồ sơ, sản phẩm và tổ chức bình chọn theo các nguyên tắc và tiêu chí được quy định tại Quy định này. Ban Giám khảo làm việc theo nguyên tắc công khai, minh bạch, kết luận theo đa số.

## **Chương III**

### **ĐĂNG KÝ VÀ TỔ CHỨC BÌNH CHỌN**

#### **Điều 12. Đăng ký bình chọn**

##### **1. Đăng ký bình chọn cấp huyện:**

###### **a) Hồ sơ đăng ký được lập thành 04 bộ, mỗi bộ bao gồm:**

- Phiếu đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm của các cơ sở công nghiệp nông thôn (theo mẫu tại Phụ lục số I của Quy định này) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn;

- Bản thuyết minh giới thiệu về sản phẩm (theo mẫu tại Phụ lục số II của Quy định này) kèm theo 03 ảnh màu, cỡ tối thiểu (10 x 15) cm của sản phẩm được chụp tại 3 góc độ khác nhau (chính diện, mặt bên, từ trên xuống);

- Bản sao hợp lệ các tài liệu khác liên quan đến sản phẩm (nếu có) như: chứng chỉ, chứng nhận về tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; giấy khen, bằng khen cho sản phẩm và các giấy tờ liên quan khác.

###### **b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký**

Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn trước ngày 10 tháng 6 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng bình chọn cấp tỉnh (nếu có).

###### **c) Nơi nhận hồ sơ**

Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa là đơn vị đầu mối cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn cấp huyện và tổng hợp hồ sơ đăng ký, tham mưu UBND cấp huyện tổ chức họp Hội đồng bình chọn cấp huyện.

d) Hồ sơ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện lưu tại Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện.

##### **2. Đăng ký bình chọn cấp tỉnh:**

###### **a) Hồ sơ đăng ký được lập thành 03 bộ, bao gồm:**

- Hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn như quy định tại Điểm a, Khoản 1 Điều này;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện còn giá trị;

- Văn bản đề nghị của UBND cấp huyện kèm theo danh sách trích ngang các sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh (theo mẫu tại Phụ lục số V của Quy định này);

- Trong trường hợp không tổ chức bình chọn cấp huyện, thì cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh lập hồ sơ như quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này gửi UBND cấp huyện xem xét, có văn bản gửi đăng ký tham gia bình chọn cấp tỉnh.

b) Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký

Thời gian tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn trước ngày 10 tháng 8 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Hội đồng bình chọn cấp tỉnh (nếu có).

c) Nơi nhận hồ sơ

Trung tâm Khuyến công thuộc Sở Công Thương là đơn vị đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn và tổng hợp hồ sơ đăng ký trình Sở Công Thương tổ chức họp Hội đồng bình chọn cấp tỉnh.

d) Hồ sơ bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh lưu tại Sở Công Thương và Ban Thi đua Khen thưởng Tỉnh.

3. Đăng ký bình chọn cấp khu vực

a) Hội đồng bình chọn cấp tỉnh quyết định lựa chọn sản phẩm trong số những sản phẩm được công nhận là sản phẩm tiêu biểu cấp tỉnh để đăng ký tham gia bình chọn cấp khu vực.

b) Hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm gửi hồ sơ theo quy định tại Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ Công Thương quy định về việc tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

- Ngoài các hồ sơ nêu trên, đơn vị tham gia bình chọn sản phẩm các cấp phải gửi sản phẩm cụ thể về Hội đồng bình chọn theo thời gian, địa điểm quy định. Sản phẩm sau khi tham gia bình chọn được trả lại cho đơn vị hoặc giữ lại tham gia bình chọn cấp cao hơn. Trường hợp giữ lại để trưng bày tại hội chợ triển lãm hoặc giới thiệu sản phẩm phải có sự đồng ý của cơ sở công nghiệp nông thôn.

- Trong trường hợp sản phẩm có kích thước, trọng lượng quá lớn hoặc sản phẩm có đặc điểm đặc thù khác không phù hợp khi vận chuyển, bảo quản mà đơn vị tham gia không thể gửi sản phẩm đến địa điểm quy định thì sản phẩm phải có ảnh trưng bày cỡ (25 x 35) cm thay cho sản phẩm. Chủ tịch Hội đồng bình chọn sẽ xem xét và quyết định phương thức bình chọn đối với sản phẩm đó.

**Điều 13. Địa điểm và thời gian tổ chức bình chọn**

1. Hội đồng bình chọn cấp huyện được tổ chức định kỳ vào tháng 7 hàng năm, địa điểm tổ chức theo hướng dẫn của Hội đồng bình chọn. Trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hội đồng bình chọn cấp tỉnh được tổ chức định kỳ vào tháng 9 hàng năm, địa điểm tổ chức theo hướng dẫn của Hội đồng bình chọn. Trường hợp khác theo quy định của cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 14. Tổ chức bình chọn**

1. Trên cơ sở thực tế hồ sơ và sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn cấp Tỉnh, Trưởng ban Giám khảo có thể xem xét đề xuất các khung điểm chi tiết theo các nội dung của 4 tiêu chí quy định tại Phụ lục số III của Quy định này, trình Chủ tịch Hội đồng bình chọn quyết định để tổ chức bình chọn.

2. Ban Giám khảo tiến hành chấm điểm theo mẫu phiếu chấm điểm tại Phụ lục số IV của Quy định này, việc chấm điểm phải đảm bảo nguyên tắc độc

lập, công bằng, khách quan. Từng thành viên tự chịu trách nhiệm về kết quả đánh giá của mình.

3. Trường ban Giám khảo lập biên bản tổng hợp kết quả bình chọn gửi Hội đồng bình chọn.

### **Điều 15. Công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận**

1. Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận phải đáp ứng các quy định tại Điều 4 và Điều 7 của Quy định này; được Ban Giám khảo chấm điểm, điểm bình quân đạt từ 70 điểm trở lên. Cơ cấu và số lượng sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn quyết định.

2. Căn cứ vào kết quả bình chọn Hội đồng bình chọn trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh phê duyệt kết quả bình chọn, quyết định công nhận và cấp Giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo từng cấp bình chọn. Kết quả bình chọn sản phẩm được thông báo đến các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm tham gia bình chọn.

3. Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu có giá trị tính từ ngày được cấp đến hết ngày 31 tháng 12 của năm thứ 3 (tính từ năm cơ sở được cấp Giấy chứng nhận).

4. Mẫu Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thống nhất sử dụng từ cấp huyện đến cấp tỉnh theo quy định tại Phụ lục số VI của Quy định này.

### **Điều 16. Hình thức tặng thưởng**

1. Tặng Giấy chứng nhận và tiền thưởng tương đương 02 lần mức lương tối thiểu chung cho mỗi sản phẩm được công nhận sản phẩm tiêu biểu cấp huyện.

2. Tặng Giấy chứng nhận và tiền thưởng tương đương 05 lần mức lương tối thiểu chung cho mỗi sản phẩm được công nhận sản phẩm tiêu biểu cấp tỉnh.

### **Điều 17. Tổ chức trao Giấy chứng nhận**

1. Hội đồng bình chọn tổ chức trao Giấy chứng nhận cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận.

2. Lễ trao Giấy chứng nhận phải được tổ chức nghiêm túc, trang trọng, phù hợp với điều kiện của từng địa phương; đảm bảo có sự chứng kiến của đại diện chính quyền, đại diện các cơ quan thông tin đại chúng, các đơn vị có liên quan và các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận.

3. Lễ trao Giấy chứng nhận có thể được tổ chức riêng hoặc tổ chức kết hợp trong các kỳ lễ hội, các hội chợ triển lãm,...việc lựa chọn thời gian trao Giấy chứng nhận do Hội đồng bình chọn trình cấp có thẩm quyền quyết định.

4. Khuyến khích các đơn vị tổ chức sự kiện, các hiệp hội ngành nghề, các cơ quan, đơn vị thông tin truyền thông, các doanh nghiệp tham gia, phối hợp với Hội đồng bình chọn trong việc thực hiện các hoạt động tuyên truyền về công tác bình chọn, tổ chức tôn vinh và quảng bá cho sản phẩm được công nhận.

### **Điều 18. Kinh phí thực hiện**



## 1. Nguồn kinh phí

### a) Kinh phí tổ chức bình chọn

- Kinh phí tổ chức thực hiện bình chọn cấp huyện được sử dụng từ nguồn ngân sách huyện.

- Kinh phí tổ chức thực hiện bình chọn cấp tỉnh được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khuyến công Tỉnh.

b) Kinh phí cấp giấy chứng nhận và khen thưởng (gồm chi phí in giấy chứng nhận; các khoản chi để làm khung; chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm) trích từ Quỹ Thi đua Khen thưởng từng cấp.

## 2. Nội dung chi tổ chức bình chọn

a) Định mức chi thẩm định hồ sơ (photo hồ sơ bình chọn, rà soát thẩm định hồ sơ, cước phí bưu điện...) là 50.000đ/bộ.

b) Chi tổ chức họp Hội đồng Ban Giám khảo gồm: Chi cho các Thành viên Hội đồng (Chủ tịch Hội đồng là 400.000 đồng/buổi, Thư ký là 200.000 đồng/buổi, các thành viên/đại biểu tham dự là 100.000 đồng/buổi); nước uống, thuê xe đưa đón Ban Giám khảo (nếu có).

c) Chi tổ chức lễ trao tặng gồm: Thuê xe chở đại biểu về tham dự; Hỗ trợ tiền ăn đối với đại biểu không hưởng lương từ ngân sách, nước uống, thuê hội trường, trang trí hội trường, vòng hoa cho các đại biểu nhận thưởng.

d) Chi phục vụ trực tiếp công tác tổ chức: Văn phòng phẩm (photo tài liệu họp Hội đồng, trình khen, tham gia bình chọn cấp Khu vực), chi phí rửa hình ảnh sản phẩm tham gia bình chọn cấp khu vực.

đ) Chi tham gia bình chọn cấp Khu vực gồm: Thuê xe vận chuyển sản phẩm từ Cơ sở công nghiệp nông thôn về Sở Công Thương và từ Sở Công Thương đến địa điểm tổ chức bình chọn cấp Khu vực.

e) Chi thưởng.

## **Điều 19. Xử lý khiếu nại, thu hồi giấy chứng nhận**

1. Thời hiệu khiếu nại đối với kết quả bình chọn là 15 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

2. Hội đồng bình chọn có trách nhiệm giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn.

3. Trong trường hợp cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận vi phạm các quy định pháp luật và các quy định của Quy định này, tùy theo mức độ vi phạm Hội đồng bình chọn có thể trình cấp có thẩm quyền xử lý hoặc thu hồi lại Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

## **Chương IV**

## **QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN CÓ SẢN PHẨM ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

### **Điều 20. Quyền lợi**

Trong thời hạn của Giấy chứng nhận, cơ sở công nghiệp nông thôn được hưởng các quyền lợi:

1. Được phép in hoặc dán nhãn Logo sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu trên sản phẩm hoặc bao bì của sản phẩm được công nhận.

2. Được tặng thưởng bằng tiền mặt theo Quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh. Mức thưởng theo quy định tại Điều 16 của Quy định này.

3. Được ưu tiên hỗ trợ từ nguồn kinh phí khuyến công địa phương và các nguồn kinh phí khác để phát triển sản phẩm theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 5 Quy định quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Đồng Nai được ban hành kèm theo Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai.

4. Được tư vấn, tiếp cận các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư khác của Nhà nước cho đầu tư phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo quy định.

5. Được đăng tải thông tin giới thiệu về sản phẩm trên các phương tiện thông tin của ngành Công Thương như: Trang tin điện tử, Bản tin của Sở Công Thương và Trung tâm Khuyến công...

#### **Điều 21. Trách nhiệm**

Trong thời hạn của Giấy chứng nhận, cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận có trách nhiệm:

1. Sản xuất và phát triển sản phẩm được công nhận với tiêu chuẩn chất lượng mà cơ sở đã cam kết tại hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn.

2. Định kỳ hàng năm, báo cáo về Trung tâm Khuyến công và Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng cấp huyện nơi tham gia bình chọn về kết quả hỗ trợ từ chương trình khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của cơ sở.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan lập hồ sơ theo quy định để được hỗ trợ từ chương trình khuyến công, các nguồn kinh phí khác và các ưu đãi hỗ trợ khác của Nhà nước cho đầu tư phát triển sản phẩm.

4. Phối hợp với Hội đồng bình chọn giải quyết các khiếu nại liên quan đến kết quả bình chọn sản phẩm của cơ sở (nếu có).

### **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 22. Trách nhiệm thực hiện**

##### **1. Sở Công Thương**

a) Hướng dẫn thực hiện Quy định này trong phạm vi địa bàn tỉnh Đồng Nai;

b) Xây dựng kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định. Hướng dẫn, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện;

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh;

d) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công triển khai và tiếp nhận hồ sơ từ Hội đồng bình chọn cấp huyện; Tổ chức họp Hội đồng bình chọn cấp tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và khen thưởng các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận; Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh sách các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh đăng ký tham gia bình chọn cấp Khu vực và cấp Quốc gia (nếu có);

đ) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công, các đơn vị thuộc Sở Công Thương tư vấn, giúp đỡ các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận tiếp cận các nguồn vốn và các chính sách ưu đãi hỗ trợ khác của Nhà nước để đầu tư phát triển sản phẩm;

e) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Cục Công nghiệp địa phương kết quả tổ chức bình chọn; kết quả hỗ trợ từ chương trình khuyến công, các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn.

## 2. Sở Nội vụ

Chỉ đạo Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh dự trù kinh phí phân bổ từ nguồn ngân sách tỉnh hàng năm, khen thưởng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu và chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục về khen thưởng như giấy chứng nhận, hiện vật khen thưởng, hình thức trao thưởng,...

## 3. Sở Tài chính

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương, Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh (Sở Nội vụ) cân đối, bố trí nguồn kinh phí để tổ chức triển khai việc bình chọn và khen thưởng cho các cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu theo quy định tại Quy định này.

## 4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn cấp huyện phù hợp với kế hoạch chung được phê duyệt;

b) Thành lập Hội đồng bình chọn và phê duyệt quyết định công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện;

c) Tuyên truyền, vận động các cơ sở công nghiệp nông thôn trên địa bàn đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn các cấp. Chỉ đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng là cơ quan đầu mối tiếp nhận và tổng hợp hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức họp Hội đồng bình chọn cấp huyện;

d) Phê duyệt danh sách sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện để đăng ký tham gia bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh;

đ) Lập kế hoạch phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu ở địa phương. Hướng dẫn, hỗ trợ, tạo điều kiện để cơ sở công nghiệp nông thôn có sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được thụ hưởng chính sách khuyến công, tiếp cận các nguồn vốn và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước để đầu tư phát triển sản xuất;

e) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Sở Công Thương kết quả bình chọn; kết quả hỗ trợ từ các chính sách của Nhà nước và tình hình sản xuất kinh doanh của các cơ sở có sản phẩm được công nhận trên địa bàn.

### **Điều 23. Kiểm tra, giám sát thực hiện**

Sở Công Thương có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan theo dõi tình hình thực hiện Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung Quy định này, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*Trần Văn Vinh*  
**Trần Văn Vinh**

**Phụ lục số I**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

(Tên Cơ sở CNTT) **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
.....  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng ..... năm .....

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN  
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Kính gửi: .....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại: .....; Fax:..... Email: .....  
Người đại diện: .....; Chức vụ: .....  
Giấy đăng ký kinh doanh số: ..... Ngày cấp: .....  
Ngành nghề kinh doanh (tóm tắt ngành nghề chính có liên quan): .....  
Địa điểm sản xuất: .....  
Vốn đăng ký kinh doanh (nếu có): .....  
Tổng tài sản theo bảng cân đối kế toán thời gian gần nhất (đối với doanh nghiệp): .....  
Tổng số lao động bình quân/năm: .....  
Tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước:  
.....

*Sau khi tìm hiểu về Chương trình bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, chúng tôi tự nguyện đăng ký sản phẩm tham gia bình chọn như sau:*

Tên sản phẩm tham gia bình chọn: .....  
Là sản phẩm  hoặc bộ sản phẩm   
Mô tả tóm tắt về sản phẩm ( Ký hiệu, công dụng, thông số kỹ thuật) :.....  
Giấy chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm, sở hữu trí tuệ, áp dụng hệ thống quản lý ISO, HACCP, chứng chỉ về VSATTP, giải thưởng, bằng khen... (nếu có) .....

Chúng tôi cam kết là chủ sở hữu hợp pháp của sản phẩm nêu trên; sản phẩm tham gia bình chọn không vi phạm bản quyền về sở hữu trí tuệ, sở hữu công nghiệp; thực hiện đầy đủ quy định của Hội đồng bình chọn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin được cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia bình chọn./.

**Đại diện**  
**Cơ sở công nghiệp nông thôn**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phụ lục số II**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

(Tên Cơ sở CNTT) ..... **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**THUYẾT MINH SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ**  
**BÌNH CHỌN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm: .....

Tên cơ sở công nghiệp nông thôn: .....

Đại diện cơ sở công nghiệp nông thôn: .....; Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....; Email:.....

**I. THÔNG TIN CHUNG**

Kích cỡ (dài, rộng, cao): .....

Trọng lượng sản phẩm (kg): .....

Ký hiệu sản phẩm (nếu có): .....

Tính năng, công dụng chính của sản phẩm: .....

**II. NỘI DUNG CHÍNH**

Tùy vào từng loại sản phẩm, thực tế sản xuất kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn, nêu tóm tắt một số nội dung sau: .....

**1. Quy mô sản xuất, kinh doanh và thị trường tiêu thụ**

**a) Về sản xuất, kinh doanh**

Nội dung	ĐVT	Năm trước	Dự kiến năm hiện tại
- Quy mô sản xuất: Số lượng sản phẩm	SP/năm		
- Doanh thu của sản phẩm	Tỷ đồng		
Số lượng và doanh thu xuất khẩu: + Số lượng + Doanh thu	SP USD		
- Lợi nhuận trước thuế	Đồng		
- Nộp ngân sách nhà nước	Đồng		
- Số lao động	Người		
- Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng		

- Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh sản phẩm (hiệu quả cao, khá, trung bình, thấp): .....
- Nguyên vật liệu chính sử dụng sản xuất sản phẩm:
  - + Nguyên vật liệu chính sử dụng: .....
  - + Tỷ lệ % nguyên vật liệu sử dụng trong nước: .....
  - + Tỷ lệ % nguyên vật liệu sử dụng nhập khẩu: .....
- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, tự đánh giá trình độ công nghệ, thiết bị đang sản xuất (hiện đại, tiên tiến, trung bình, lạc hậu): .....
- Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị hiện đại, tiên tiến vào sản xuất sản phẩm: .....
- Chất lượng sản phẩm: .....
- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP, ...) đang áp dụng (nếu có) .....
- Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.....
- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn: .....
- Khả năng mở rộng quy mô sản xuất :.....
- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác: .....
- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm: .....

#### b) Về thị trường

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm và đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:
  - + Cơ cấu thị trường tiêu thụ trong nước: .....
  - + Cơ cấu thị trường tiêu thụ ngoài nước:.....
  - + Đánh giá tiềm năng, mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường:.....
  - Đánh giá khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu (nếu có): .....

### 2. Lao động, bảo vệ môi trường

#### a) Về lao động

- Tổng số lao động đang sử dụng: .....
- Chất lượng lao động đang sử dụng: .....

#### b) Về môi trường

Nêu tóm tắt tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất sản phẩm: .....

### 3. Tính văn hoá, tính thẩm mỹ của sản phẩm

- a) Đánh giá mức độ thể hiện tính đặc thù văn hoá dân tộc: .....
- b) Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hoá của sản phẩm:
- c) Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo; hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp: .....

### 4. Một số nội dung khác

- a) Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận: .....
- b) Sản phẩm đã đăng ký thương hiệu: .....
- c) Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được: .....

- d) Nêu tình hình thực hiện các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước:  
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế (nếu được miễn ghi rõ lý do): .....  
- Các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước (nếu có):.....  
đ) Tham gia các hoạt động công ích xã hội: .....

e) Đánh giá các tác động xã hội khác (nếu có): .....

### **III. TỰ NHẬN XÉT**

1. Tự nhận xét của đơn vị: .....

.....

.....

2. Nhận xét của khách hàng (nếu có):.....

.....

.....

**Đại diện**  
**Cơ sở công nghiệp nông thôn**  
*(Ký tên và đóng dấu)*



**Phụ lục số III**  
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2015/QĐ-UBND  
 ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**TIÊU CHÍ BÌNH CHỌN  
 SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

TT	Chỉ tiêu đánh giá	
<b>I</b>	<b>Tiêu chí đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất</b>	
1	Đáp ứng nhu cầu thị trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức độ đáp ứng nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.</li> <li>- Khả năng thay thế, cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu.</li> </ul>
2	Khả năng phát triển sản xuất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng sản xuất hàng loạt, với số lượng lớn.</li> <li>- Khả năng áp dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến vào sản xuất.</li> <li>- Quy mô sản xuất.</li> <li>- Khả năng nhân rộng sản xuất và thúc đẩy phát triển các ngành khác.</li> <li>- Khả năng sử dụng nguyên, vật liệu trong nước.</li> <li>- Khả năng tham gia chuỗi liên kết giá trị sản phẩm.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường</b>	
1	Về kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiệu quả kinh tế sản xuất kinh doanh sản phẩm.</li> <li>- Doanh thu sản xuất kinh doanh sản phẩm.</li> </ul>
2	Về kỹ thuật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình độ công nghệ, thiết bị sản xuất sản phẩm.</li> <li>- Chất lượng sản phẩm.</li> <li>- Khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định.</li> <li>- Hệ thống quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm (ISO, HACCP,...).</li> <li>- Chất lượng lao động tham gia sản xuất.</li> </ul>
3	Về xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng thu hút, giải quyết được việc làm cho lao động.</li> <li>- Thu nhập bình quân của người lao động.</li> <li>- Đánh giá các tác động xã hội khác.</li> </ul>
4	Về môi trường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tác động môi trường và việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường trong sản xuất.</li> </ul>
<b>III</b>	<b>Tiêu chí về tính văn hoá, tính thẩm mỹ</b>	

1	Tính văn hoá	- Mức độ thể hiện tính đặc thù văn hoá dân tộc. - Tính kế thừa, hoàn thiện và phát huy các giá trị văn hoá của sản phẩm.
2	Tính thẩm mỹ	- Sản phẩm có thiết kế mới, độc đáo, hình thức, mẫu mã, bao bì đẹp.
<b>IV</b>	<b>Các tiêu chí khác</b>	
1	Các chứng nhận liên quan đến chất lượng sản phẩm	- Các chứng nhận về chất lượng sản phẩm đã được công nhận.
2	Các giải thưởng, khen thưởng	- Các giải thưởng, bằng khen,... đã đạt được.
3	Thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hoạt động công ích xã hội	- Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước. - Tham gia các hoạt động công ích xã hội.

Ghi chú: Tùy từng nhóm sản phẩm, đặc tính của sản phẩm đăng ký tham gia bình chọn, Trưởng Ban Giám khảo có thể xem xét lựa chọn các nội dung trong các tiêu chí nêu trên, đề xuất với Hội đồng bình chọn để đánh giá, chấm điểm cho phù hợp./.

**Phụ lục số IV**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Tên Hội đồng bình chọn**

**PHIẾU CHẤM ĐIỂM**  
**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**

Tên sản phẩm: .....

Nhóm sản phẩm: .....

Mã số bình chọn: .....

Họ và tên giám khảo: .....

Chức vụ/Học hàm: .....

<b>TT</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Điểm tối đa</b>	<b>Điểm bình chọn</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Tiêu chí đáp ứng thị trường và khả năng phát triển sản xuất	40		
2	Tiêu chí về kinh tế - kỹ thuật - xã hội và môi trường	40		
3	Tiêu chí về tính văn hóa, tính thẩm mỹ	10		
4	Một số tiêu chí khác	10		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>		

*Nhận xét:* .....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**Thành viên Ban Giám khảo**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Phụ lục số V**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41 /2015/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Tên Cơ quan, đơn vị:

**DANH SÁCH TRÍCH NGANG  
SẢN PHẨM ĐĂNG KÝ THAM GIA BÌNH CHỌN SẢN PHẨM  
CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP.....**

TT	Tên sản phẩm	Cơ sở công nghiệp nông thôn	Địa chỉ	Ghi chú

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan/đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phụ lục số VI**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2015/QĐ-UBND  
ngày 16 tháng 11 năm 2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

## QUY ĐỊNH VỀ GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

### I. QUY ĐỊNH CHUNG CỦA MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU

**1. Hình thức:** Xung quanh trang trí hoa văn, chính giữa phía trên, dưới Quốc hiệu là biểu trưng (logo) của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu.

Logo của Chương trình phát triển sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu bao gồm: Hình ảnh của bánh răng công nghiệp (màu nâu đỏ) được cách điệu như một bông hoa trên nền đan xen của những chiếc lá (màu xanh), tổng thể được đặt trong một hình tròn. Xung quanh nửa dưới hình tròn có hàng chữ “SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU” (màu xanh).

**Mã màu:**

Green(1): C35.M0.Y100.K0;

Green(2): C100.M0.Y: 100 K: 40

Brich Red: C20 M70.Y100 K0



**2. Nội dung:** Dòng thứ nhất, thứ hai: Quốc hiệu “Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”; dòng thứ 3 chức danh người ký (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 4 tên đơn vị ký chứng nhận (chữ in hoa, màu đen); dòng thứ 5 “CHỨNG NHẬN” (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 6: SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU; dòng thứ 7: CẤP...- NĂM 20... (chữ in hoa, màu đỏ); dòng thứ 8: TÊN SẢN PHẨM: Ghi tên sản phẩm; dòng thứ 9: ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: ghi tên đơn vị sản xuất sản phẩm; dòng thứ 10: ĐỊA CHỈ: Ghi địa chỉ của đơn vị sản xuất sản phẩm. Phía dưới bên phải các nội dung: Địa danh, ngày ... tháng ... năm ... ; chức danh người ký và khoảng trống 30 mm để ký tên đóng dấu.

Phía dưới bên trái:

- Số quyết định ... ngày ... tháng ... năm ...


- Có giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 20...

**3. Giấy in:** Giấy chứng nhận in trên giấy trắng định lượng 150 gram/m<sup>2</sup>;  
Chứng nhận các cấp sử dụng chung khổ giấy A4, kích thước dài 297mm, rộng 210mm, đường trang trí hoa văn dài 287mm, rộng 200mm (*sử dụng chiều đứng trang in*).

## II. MẪU CỤ THỂ

### 1. Mẫu số 1

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**CHỦ TỊCH**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN** .....

**CHỨNG NHẬN**  
**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**  
**CẤP HUYỆN - NĂM 20....**

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

ĐỊA CHỈ: .....

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

**CHỦ TỊCH**  
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QB-UBND, ngày ...../...../.....  
Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....

2. Mẫu số 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CHỦ TỊCH  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH .....

**CHỨNG NHẬN**  
**SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU**  
**CẤP TỈNH - NĂM 20...**

TÊN SẢN PHẨM: .....

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT: .....

ĐỊA CHỈ: .....

..... ngày..... tháng..... năm 20.....

CHỦ TỊCH  
(Ký tên và đóng dấu)

Theo Quyết định số: ...../QĐ-UBND, ngày ...../...../.....

Có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 năm 20.....